

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2018/UBND-NNTN

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 4 năm 2019

V/v đăng ký khối lượng
đất đắp để phục vụ thi công
xây dựng công trình Tiểu
dự án Sửa chữa, nâng cấp
bảo đảm an toàn đập tỉnh
Quảng Ngãi (giai đoạn 1)
và dự án Sửa chữa, nâng cấp
khẩn cấp 02 hồ chứa nước
Phước Hòa, Hồ Lùng,
huyện Bình Sơn

Kính gửi:

- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- UBND các huyện: Bình Sơn, Sơn Tịnh và Đức Phổ;
- Ban Quản lý dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi.

Xét đề nghị của Ban Quản lý dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi thuộc Sở Nông nghiệp và PTNT tại các Tờ trình số: 42/TTr-BQL ngày 31/01/2019 và 55/TTr-BQL ngày 25/02/2019 về việc xin đăng ký khối lượng đất đắp để phục vụ thi công xây dựng công trình thuộc Tiểu dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi (giai đoạn 1) và dự án Sửa chữa, nâng cấp khẩn cấp 02 hồ chứa nước Phước Hòa, Hồ Lùng tại huyện Bình Sơn; ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 1510/STNMT-KS ngày 16/4/2019, Chủ tịch UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Thống nhất chủ trương cho phép Ban Quản lý dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi lựa chọn đơn vị thi công được lập các hồ sơ, thủ tục liên quan theo quy định để đăng ký thu hồi khối lượng đất đắp phục vụ thi công xây dựng công trình Tiểu dự án Sửa chữa, nâng cấp bảo đảm an toàn (giai đoạn 1) và dự án Sửa chữa, nâng cấp khẩn cấp 02 hồ chứa nước Phước Hòa, Hồ Lùng huyện Bình Sơn; với tổng diện tích các bãi vật liệu đăng ký khối lượng thu hồi đất san lấp là 16,7 ha và nằm trong phạm vi giới hạn bởi các điểm góc có tọa độ (theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trục 108, múi chiếu 3⁰) theo Phụ lục kèm theo.

2. Ban Quản lý dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Quảng Ngãi, đơn vị thi công có trách nhiệm thực hiện một số nội dung như sau trước khi tiến hành thu hồi khối lượng đất san lấp tại bãi vật liệu nêu trên:

- Lập báo cáo khảo sát địa chất, đánh giá trữ lượng trình cơ quan có thẩm quyền nhận xét theo quy định;

- Lập phương án thi công khai thác bãi vật liệu nêu trên và phê duyệt theo quy định;

- Đăng ký khu vực khai thác, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị, kế hoạch khai thác và thực hiện việc kê khai, tính, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại UBND tỉnh Quảng Ngãi (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) theo quy định;

- Đăng ký với cơ quan thuế địa phương để làm cơ sở thực hiện nghĩa vụ tài chính liên quan theo quy định.

3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành chức năng và địa phương có liên quan hướng dẫn, theo dõi và giám sát việc thu hồi đất san lấp phục vụ thi công xây dựng công trình Tiểu dự án Sửa chữa, nâng cấp bảo đảm an toàn (giai đoạn 1) và dự án Sửa chữa, nâng cấp khẩn cấp 02 hồ chứa nước Phước Hòa, Hồ Lùng, huyện Bình Sơn theo đúng phương án thi công đã được duyệt và thực hiện các nghĩa vụ tài chính liên quan theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP, CB-TH;
- Lưu: VT, NN-TN (Vũ 239).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tăng Bính



Phụ lục
Khu vực đăng ký khối lượng thu hồi đất san lấp thi công các công trình đập
 theo Công văn số 2018/UBND-NNTN ngày 29/4/2019
 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Tên hồ chứa nước	Khối lượng đất đắp đăng ký dự kiến (m ³)	Cự ly vận chuyển đất từ bãi vật liệu đến đập (m)	Tọa độ bãi vật liệu (VN2000)			Ghi chú
				Tên điểm	X(m)	Y(m)	
HUYỆN ĐỨC PHỐ							
01	Hồ chứa nước Liệt Sơn, thôn Hiền Văn, xã Phổ Hòa	4.023	200	M1	1632207,42	601315,19	
				M2	1632191,39	601345,68	
				M3	1632161,98	601358,46	
				M4	1632109,18	601332,28	
				M5	1632096,07	601312,83	
				M10	1632096,81	601309,45	
				M11	1632104,36	601301,57	
				M12	1632185,71	601296,37	
02	Hồ chứa nước Cây Khê, thôn Đông Vân, xã Phổ Thạnh	37,600	500	M22	1620826,83	611678,09	
				M23	1620840,51	611571,94	
				M24	1620698,86	611533,56	
				M25	1620704,93	611726,72	
				M26	1620807,13	611734,41	
HUYỆN SƠN TỊNH							
03	Hồ chứa nước Hóc Khê, thôn Bình Định Nam, xã Tịnh Đông và thôn Diên Niên, xã Tịnh Sơn	29,000	100	M58'	1678859,49	575067,09	
				M59'	1678873,90	575055,05	
				M60'	1678890,51	575033,83	
				M61'	1678893,93	574953,94	
				M62'	1678835,27	574928,76	
				M63'	1678827,17	574939,97	
				M64'	1678827,22	574967,90	
				M65'	1678821,36	574995,47	
				M66'	1678803,13	574980,79	
				M67'	1678782,00	574983,00	
				M68'	1678705,00	575049,00	
				M69'	1678691,00	575050,00	
M70'	1678679,00	575054,00					

				M71'	1678688,00	575094,00	
				M72'	1678678,00	575131,00	
				M73'	1678685,00	575150,00	
				M74'	1678715,42	575150,06	
				M75'	1678740,64	575107,08	
				M76'	1678774,05	575066,20	
				M77'	1678779,50	575070,62	
				M78'	1678788,09	575074,13	
				M79'	1678790,81	575082,78	
04	Hồ chứa nước Hồ Hiếu, thôn Minh Xuân, xã Tịnh Bắc	8,100	200	M1'	1680215,07	568897,37	
				M2'	1680225,90	568910,12	
				M3'	1680232,90	568948,65	
				M4'	1680191,12	568980,64	
				M5'	1680099,20	569018,59	
				M6'	1680053,87	568989,60	
				M7'	1680146,59	568930,96	
				M8'	1680163,83	568908,75	
				M9'	1680183,76	568901,05	
05	Hồ chứa nước Liên Trì, thôn Thọ Bắc, xã Tịnh Thọ	36,084	2,400	M32	1687782,46	580785,00	
				M33	1687661,25	580906,92	
				M34	1687775,90	581032,17	
				M35	1687778,69	580919,40	
HUYỆN BÌNH SƠN							
06	Hồ chứa nước An Phong, thôn Phước Tích, xã Bình Mỹ	34,833	1,500	M1	1686958,97	568096,07	
				M2	1686904,58	568161,08	
				M3	1686864,80	568058,96	
				M4	1686789,29	567998,34	
				M5	1686774,57	568148,36	
07	Hồ chứa nước Gò Lang, thuộc thôn 4, xã Bình Hòa	52.000	200	M55	1693212,43	587693,18	
				M56	1693234,37	587733,48	
				M57	1693309,28	587669,60	
				M58	1693295,25	587576,57	
				M59	1693172,14	587526,13	
				M60	1693052,65	587546,85	
				M61	1693080,66	587633,20	
				M62	1693164,26	587604,70	
08	Hồ chứa nước Hồ Đá, thôn Thanh Trà, xã Bình Khương	21,405	500	M30	1693466,88	574921,48	
				M31	1693504,12	574986,15	
				M32	1693465,55	575063,92	
				M33	1693374,81	575126,89	
				M34	1693303,09	575101,35	
				M35	1693344,51	575065,91	
				M36	1693414,85	575031,48	
09	Hồ chứa nước	10,500	300	M20	1684465,85	588810,90	

	Hóc Búa, thôn Duyên Lộc, xã Bình Tân			M21	1684548,72	588803,66
				M22	1684614,33	588774,42
				M23	1684628,96	588750,85
				M24	1684548,45	588750,10
				M25	1684479,41	588727,52
				M26	1684443,45	588778,95
10	Hồ chứa nước Phước Hòa, thôn Tây Phước, xã Bình Khương	11,703	500	M17	1692661,19	572007,46
				M18	1692599,25	572082,93
				M19	1692564,34	572064,28
				M20	1692554,33	572043,83
11	Hồ chứa nước Hố Lùng, thôn Tham Hội 3, xã Bình Thanh Đông	13,504	100	M19	1686973,83	589557,99
				M20	1686973,19	589650,9
				M21	1686919,61	589724,24
				M22	1686840,14	589729,17
				M23	1686813,49	589617,92
				M24	1686946,78	589566,75